

Số: 02/2019/TTF-CBTT
V.v công bố thông tin theo yêu cầu của
Thông tư 155/2015/TT-BTC liên quan
đến BCTC quý 4/2018 tại ngày
31/12/2018

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2019

**GIẢI TRÌNH BCTC RIÊNG VÀ HỢP NHẤT
CHO KỶ KẾ TOÁN QUÝ 4 NĂM 2018**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**
- Mã chứng khoán: **TTF**
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 747, Khu Phố 7, P. Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh BD
- Điện thoại: (84-0650) 3642004/005
- Fax: (84-0650) 36420006
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Mai Hữu Tín - Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ: 254/2 đường Thích Quảng Đức, P. Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-0650) 3642004/005
- Fax: (84-0650) 36420006

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

- Nội dung thông tin công bố: công bố thông tin theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC liên quan đến BCTC riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) giải trình nguyên nhân chênh lệch số liệu kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4 trong kỳ so với cùng kỳ năm trước từ 5% trở lên của kỳ báo cáo và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ báo cáo chênh lệch 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

A. Báo cáo tài chính riêng

1. Về kết quả hoạt động kinh doanh:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu Quý 4.2018	Số liệu tại Quý 4.2017	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
03	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285.708.969.495	566.528.223.301	(280.819.253.806)	(49,57%)
04	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	289.053.381.545	468.422.106.953	(179.368.725.408)	(38,29%)
06	Doanh thu hoạt động tài chính	3.197.367.404	8.378.617.913	(5.181.250.509)	(61,84%)
07	Chi phí tài chính	36.896.857.283	(20.101.998.851)	56.998.856.134	(283,55%)
08	Chi phí bán hàng	4.444.017.043	1.503.796.119	2.940.220.924	195,52%
09	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(31.123.220.627)	31.245.349.976	(62.368.570.603)	(199,61%)
11	Thu nhập khác	24.948.021.680	611.866.425	24.336.155.255	3977,36%
12	Chi phí khác	49.042.559.889	2.941.668.399	46.100.891.490	1567,17%



- Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm chủ yếu là do giảm sản lượng tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm chủ yếu là do Công ty hồi tố lại số liệu thu nhập lãi phát sinh từ khoản cho các công ty con vay trong quý 4.2018 là 8,2 tỷ đồng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam do khoản lãi phát sinh này chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.
- Chi phí tài chính tăng chủ yếu là do cùng kỳ năm trước Công ty hồi tố khoản lãi vay ngân hàng được miễn giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu là Công ty hoàn nhập dự phòng phải thu các khoản phải thu đã được thu hồi là 72,7 tỷ đồng.
- Thu nhập khác tăng chủ yếu là do Công ty ghi nhận khoản bồi thường, hỗ trợ về đất là 22 tỷ đồng.
- Chi phí khác tăng chủ yếu là do Công ty hạch toán vào chi phí khoản bồi thường, hỗ trợ về đất là 33,5 tỷ đồng và hạch toán vào chi phí các khoản nợ tồn đọng lâu năm không thu hồi được là 12,6 tỷ đồng.

2. Về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu Quý 4.2018	Số liệu Quý 4.2017	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.459.236.554)	91.507.785.043	(125.967.021.597)	-137,66%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng các nguyên nhân phát sinh chi phí, giá vốn ở mục 1A.

B. Báo cáo tài chính hợp nhất

1. Về kết quả hoạt động kinh doanh:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu Quý 4.2018	Số liệu Quý 4.2017	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/(giảm)
03	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	380.532.880.931	607.222.635.736	(226.689.754.805)	(37,33%)
04	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	369.523.903.145	507.143.830.225	(137.619.927.080)	(27,14%)
06	Doanh thu hoạt động tài chính	2.907.101.536	1.710.614.911	1.196.486.625	69,94%
07	Chi phí tài chính	19.930.678.965	(21.906.457.402)	41.837.136.367	(190,98%)
08	Chi phí bán hàng	7.815.386.800	2.908.363.724	4.907.023.076	168,72%
09	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(66.315.700.413)	35.868.942.318	(102.184.642.731)	(284,88%)
11	Thu nhập khác	25.915.448.398	2.302.940.359	23.612.508.039	1025,32%
12	Chi phí khác	50.796.957.413	3.356.649.456	47.440.307.957	1413,32%

- Doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm chủ yếu là do giảm sản lượng tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng chủ yếu là do phát sinh tăng lãi tiền gửi tiết kiệm.
- Chi phí tài chính tăng chủ yếu là do cùng kỳ năm trước Công ty hồi tố khoản lãi vay ngân hàng được miễn giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu là Công ty hoàn nhập dự phòng phải thu các khoản phải thu đã được thu hồi là 81 tỷ đồng.
- Thu nhập khác tăng chủ yếu là do Công ty ghi nhận khoản bồi thường, hỗ trợ về đất là 22 tỷ đồng.

0530
CÔNG T
CỔ PH
TẬP Đ
Y NGH
TRƯỞNG T
VUYỄN-T.

- Chi phí khác tăng chủ yếu là do Công ty hạch toán vào chi phí khoản bồi thường, hỗ trợ về đất là 33,5 tỷ đồng và hạch toán vào chi phí các khoản nợ tồn đọng lâu năm không thu hồi được là 12,6 tỷ đồng

2. Về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu Quý 4.2018	Số liệu Quý 4.2017	Chênh lệch tăng/(giảm)	% tăng/ (giảm)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.504.039.851	82.871.421.469	(55.367.381.618)	(66,81%)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước là do ảnh hưởng các nguyên nhân phát sinh tăng chi phí, giá vốn ở mục 1B.

Trân trọng,

Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành



Mai Hữu Tín
Tổng Giám đốc

